

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG
(nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014

đã được kiểm toán
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
16 -09- 2015
SỐ CHỨNG THỰC 2.7.6.9.3 QUYỂN SỐ: 4 SCT/BS



Quang

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẢNH QUANG

MỤC LỤC

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6 – 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02/12/1995, Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22/4/1998. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013 về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty mẹ Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long thành Công ty cổ phần.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 27 tháng 5 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần (Tổng Công ty Thăng Long – CTCP), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 27 tháng 5 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Khương Thế Duy	Ủy viên
Ông Vũ Hồng Phương	Ủy viên
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hồng Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Khương Thế Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/11/2014
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/9/2014
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/11/2014
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

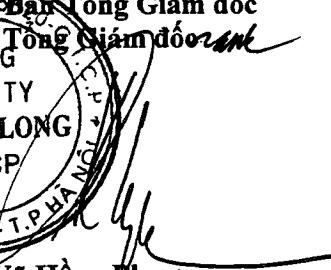
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 27 tháng 5 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


Vũ Hồng Phương

Số: 240./2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long, được lập ngày 19 tháng 6 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 27 tháng 5 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

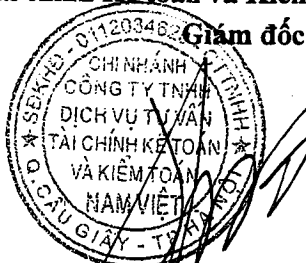
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 27 tháng 5 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

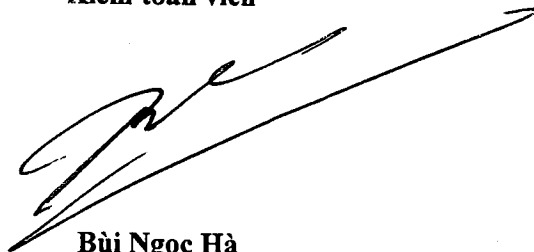
**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 27 tháng 5 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	27/5/2014	01/01/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.420.934.536.515	2.158.867.902.173
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	459.146.938.560	158.620.966.766
1.	Tiền	111		456.032.338.560	118.660.966.766
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.114.600.000	39.960.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.176.579.360.395	1.279.359.695.284
1.	Phải thu khách hàng	131		269.482.335.820	428.566.727.604
2.	Trả trước cho người bán	132		853.627.955.737	800.196.269.303
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	12.330.606.412
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	53.723.045.694	38.520.068.821
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(253.976.856)	(253.976.856)
IV.	Hàng tồn kho	140		688.913.536.647	529.955.362.281
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	688.913.536.647	529.955.362.281
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		96.294.700.913	190.931.877.842
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.576.741.617	9.514.064.089
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.397.119.060	11.767.035.403
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	6.212.129.056	5.909.322.599
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	61.108.711.180	163.741.455.751

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	27/5/2014	01/01/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.705.542.648	261.332.548.599
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		97.572.776.849	111.670.592.711
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	71.637.096.035	79.262.635.935
	- Nguyên giá	222		327.341.541.458	362.912.357.536
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(255.704.445.423)	(283.649.721.601)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	17.508.184.000	22.293.580.537
	- Nguyên giá	228		17.508.184.000	22.939.546.685
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	(645.966.148)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	8.427.496.814	10.114.376.239
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		136.501.179.900	130.037.114.991
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	123.784.881.311	117.620.816.402
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	12.716.298.589	12.416.298.589
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		25.631.585.899	19.624.840.897
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	24.631.585.899	18.305.826.336
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		1.000.000.000	1.319.014.561
VI.	Lợi thế Thương mại			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.680.640.079.163	2.420.200.450.772

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	27/5/2014	01/01/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.437.561.794.552	2.175.238.004.403
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.374.204.782.652	2.127.774.730.463
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	505.037.102.883	524.526.443.162
2.	Phải trả người bán	312		490.892.431.974	479.964.296.209
3.	Người mua trả tiền trước	313		799.313.562.745	812.207.177.894
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	54.065.106.671	60.934.059.499
5.	Phải trả người lao động	315		43.110.008.676	42.516.061.027
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	32.008.949.788	36.390.555.115
7.	Phải trả nội bộ	317		-	56.342.791.266
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	449.777.619.915	105.802.433.924
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	9.090.912.367
II.	Nợ dài hạn	330		63.357.011.900	47.463.273.940
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		9.033.687.825	14.656.953.092
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		5.445.080.882	5.616.347.515
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	20.323.796.193	27.189.973.333
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		28.554.447.000	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227.763.766.989	228.963.896.328
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	227.763.766.989	228.557.468.079
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		188.382.982.443	188.553.484.957
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		324.672.155	324.672.155
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		30.856.509.850	31.419.834.199
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		8.425.860.370	8.971.835.767
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.876.122.980	5.087.168.969
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		746.681.368	746.681.368
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.849.062.177)	(6.546.209.336)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	406.428.249
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			15.314.517.622	15.998.550.041
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.680.640.079.163	2.420.200.450.772

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	27/5/2014	01/01/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		312.678,27	213.057,99
	EUR		56.052.154,00	55.282.112,00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tổng Giám đốc

Thank



Lê Văn An



Vũ Hồng Phương

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	799.577.118.079
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		799.577.118.079
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	739.788.979.104
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.788.138.975
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	34.832.716.480
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	34.524.809.195
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.127.573.803
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		49.061.504.308
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.034.541.952
11.	Thu nhập khác	31		3.610.229.581
12.	Chi phí khác	32		9.089.195.567
13.	Lợi nhuận khác	40		(5.478.965.986)
14.	Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			(703.142.267)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.852.433.699
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	1.329.327.195
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.523.106.503
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(63.185.627)
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.586.292.130

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Vũ Hồng Phương

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		710.457.252.113
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(656.248.119.485)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(59.853.989.389)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(23.985.718.511)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(2.218.283.323)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		588.696.106.654
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(236.959.481.508)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		319.887.766.551
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(9.943.248.144)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		189.088.810
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.927.519.445
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.826.639.889)

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		215.342.649.669
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(226.877.804.537)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.535.154.868)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		300.525.971.794
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		158.620.966.766
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		459.146.938.560

Tổng Giám đốc

Shank

Handwritten signature

Lê Văn An



Vũ Hồng Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**04. Thông tin về Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 27/5/2014
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	83,00%
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Thôn Cổ Điện, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	51,13%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	84,21%
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long (*)	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	73,74%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long (**)	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	100,00%

(*): Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long trở thành Công ty liên kết từ ngày 24 tháng 01 năm 2014

(**): Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long trở thành Công ty liên kết từ ngày 12 tháng 3 năm 2014

05. Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 27/5/2014
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	20,80%
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	38,63%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	32,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 17 Thăng Long	127B, Đình Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	28,89%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	30,31%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	127B, Đình Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	36,00%

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 27/5/2014
Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,45%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	Số 3, đường Cù Lan Chính, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	29,98%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	23,15%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	34,36%
Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xẩm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
Công ty TNHH Bê tông Mê công Thăng Long	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	49,41%

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty mẹ và các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 10 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí san lấp mặt bằng;
- Giá trị lợi thế kinh doanh theo Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 03 năm khi Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác và các quỹ của chủ sở hữu được bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	27/5/2014	01/01/2014
- Tiền mặt	9.196.199.245	6.795.073.256
- Tiền gửi ngân hàng	446.836.139.315	111.865.893.510
- Các khoản tương đương tiền	3.114.600.000	39.960.000.000
Cộng	459.146.938.560	158.620.966.766

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	27/5/2014	01/01/2014
- Phải thu về cổ phần hoá	1.155.209.090	1.636.598.088
- Phải thu của người lao động	18.000.000	18.000.000
- Phải thu khác	52.549.836.604	36.865.470.733
+ <i>Phải thu Ban ĐHDA liên danh</i>	7.922.925.233	-
+ <i>Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long</i>	3.564.354.126	3.564.354.126
+ <i>Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long</i>	4.955.604.000	4.955.604.000
+ <i>Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long</i>	1.869.651.270	1.869.651.270
+ <i>Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long</i>	1.524.634.345	1.524.634.345
+ <i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 Thăng Long</i>	1.503.923.501	1.503.923.501
+ <i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long</i>	1.389.181.492	1.389.181.492
+ <i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long</i>	1.338.230.000	1.338.230.000
+ <i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long</i>	1.617.682.500	1.617.682.500
+ <i>Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài</i>	1.056.949.196	1.056.949.196
+ <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 1.1.6.8</i>	403.354.625	-
+ <i>Phải thu tiền dự án khu biệt thự Thủy Xuân - TP. Huế</i>	1.098.090.000	-
+ <i>Phải thu tiền cho cán bộ CNV vay</i>	1.240.182.500	-
+ <i>Đối tượng khác</i>	23.065.073.816	18.045.260.303
Cộng	53.723.045.694	38.520.068.821

03. Hàng tồn kho

	27/5/2014	01/01/2014
- Nguyên liệu, vật liệu	8.509.332.043	23.358.933.355
- Công cụ, dụng cụ	1.012.309.956	2.864.250.075
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	679.391.894.648	503.732.178.851
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	688.913.536.647	529.955.362.281

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	27/5/2014	01/01/2014
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	6.177.267.730	5.909.322.599
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	6.090.000	-
Cộng	6.212.129.056	5.909.322.599

05. Tài sản ngắn hạn khác

	27/5/2014	01/01/2014
- Tạm ứng	38.254.199.426	37.051.982.842
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.854.511.754	126.689.472.909
Cộng	61.108.711.180	163.741.455.751

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
<i>Số dư tại ngày 01/01/2014</i>	<i>69.437.073.700</i>	<i>241.646.287.992</i>	<i>41.973.189.127</i>	<i>9.855.806.717</i>	-	<i>362.912.357.536</i>
- Mua trong kỳ	-	8.957.180.109	1.329.803.637	368.568.455	-	10.655.552.201
- Tăng khác	550.085.165	1.914.894.654	-	-	-	2.464.979.819
- Giảm do thanh lý Công ty con	(7.752.075.799)	(27.967.074.119)	(10.211.611.271)	(369.104.690)	-	(46.299.865.879)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(2.138.556.025)	-	(252.926.194)	-	(2.391.482.219)
<i>Số dư tại ngày 27/5/2014</i>	<i>62.235.083.066</i>	<i>222.412.732.611</i>	<i>33.091.381.493</i>	<i>9.602.344.288</i>	-	<i>327.341.541.458</i>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư tại ngày 01/01/2014</i>	<i>41.711.454.504</i>	<i>201.442.879.355</i>	<i>32.342.229.559</i>	<i>8.153.158.183</i>	-	<i>283.649.721.601</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.332.807.199	4.671.176.410	1.230.299.093	321.301.564	-	7.555.584.266
- Tăng khác	416.611.513	1.914.894.654	-	-	-	2.331.506.167
- Giảm do thanh lý Công ty con	(3.519.950.793)	(22.512.833.266)	(9.347.730.945)	(115.354.965)	-	(35.495.869.969)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(2.131.029.182)	(56.879.293)	(148.588.167)	-	(2.336.496.642)
<i>Số dư tại ngày 27/5/2014</i>	<i>39.940.922.423</i>	<i>183.385.087.971</i>	<i>24.167.918.414</i>	<i>8.210.516.615</i>	-	<i>255.704.445.423</i>
Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày 01/01/2014</i>	<i>27.725.619.196</i>	<i>40.203.408.637</i>	<i>9.630.959.568</i>	<i>1.702.648.534</i>	-	<i>79.262.635.935</i>
<i>2. Tại ngày 27/5/2014</i>	<i>22.294.160.643</i>	<i>39.027.644.640</i>	<i>8.923.463.079</i>	<i>1.391.827.673</i>	-	<i>71.637.096.035</i>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất		Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2014	22.132.089.000	807.457.685	22.939.546.685
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm do thanh lý Công ty con	(4.623.905.000)	(807.457.685)	(5.431.362.685)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư tại ngày 27/5/2014	17.508.184.000	-	17.508.184.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2014	-	645.966.148	645.966.148
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm do thanh lý Công ty con	-	(645.966.148)	(645.966.148)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư tại ngày 27/5/2014	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày 01/01/2014	22.132.089.000	161.491.537	22.293.580.537
2. Tại ngày 27/5/2014	17.508.184.000	-	17.508.184.000

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	27/5/2014	01/01/2014
Bao gồm các công trình:		
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.850.707.012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	31.874.512
- Chế tạo cầu trục 30T	-	1.719.216.020
- Chế tạo ván khuôn đáy đầm Cát Linh	-	1.429.284.664
- Chế tạo mũi đầm - giá pooc tích cầu EA Súp	-	664.446.529
- Nhà văn phòng Phạm Văn Đồng	3.396.323.832	-
- Chế tạo bể vệ sinh	11.972.986	-
- Chế tạo cầu trục 10T	50.297.900	-
- Công trình nhà điều hành	723.579.819	723.579.819
- Công trình xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế	460.477.250	169.631.000
- Công trình xưởng Lào Cai	1.810.933.503	1.810.933.503
- Các công trình khác	91.330.000	1.714.703.180
Cộng	8.427.496.814	10.114.376.239

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	27/5/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết		81.843.171.433		76.146.800.314
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	2.136.594.543	197.600	2.260.825.700
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	10.280.664.259	735.980	10.002.355.996
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	501.948.290	262.950	494.437.716
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	-	-	30.000	323.280.385
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	2.012.981.955	160.000	1.989.013.028
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	234.000	3.427.795.240	234.000	3.367.545.094
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	154.557	1.684.441.027	154.557	1.676.973.255
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	4.497.614.368	360.000	4.434.610.882
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.804.734.105	303.800	3.793.666.722
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	2.016.000	18.357.381.472	2.016.000	19.895.150.645
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	540.000	2.301.432.438	540.000	2.446.308.251
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	-	403.641	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	131.000	1.756.391.594	131.000	1.749.632.640
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	555.624	6.178.789.678		-
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	118.900	1.189.402.463		-
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh		23.313.000.000		23.313.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	40.000	400.000.000	40.000	400.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh		41.941.709.878		41.474.016.088
- Công ty Liên doanh Mitsui Thăng Long		30.270.069.273		29.798.282.242
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		11.671.640.604		11.675.733.846
Cộng		123.784.881.311		117.620.816.402

10. Đầu tư dài hạn khác

	27/5/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		12.716.298.589		12.416.298.589
+ Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000	681.500	6.815.000.000
+ Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	429.841	5.601.298.589	429.841	5.601.298.589
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	300.000.000		-
Cộng		12.716.298.589		12.416.298.589

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước dài hạn

	27/5/2014	01/01/2014
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	23.456.562.043	17.130.802.480
- Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hoá	434.010.554	434.010.554
- Chi phí san lấp mặt bằng	741.013.302	741.013.302
Cộng	24.631.585.899	18.305.826.336

12. Vay và nợ ngắn hạn

	27/5/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn	505.037.102.883	524.526.443.162
- Vay ngân hàng	498.423.336.314	490.848.380.162
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ^(a)	234.993.416.305	189.124.400.141
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Chi nhánh Thăng Long ^(b)	21.324.525.924	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Tam Trinh ^(c)	31.845.763.000	44.218.634.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Đông Anh ^(d)	9.247.609.000	13.656.369.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ ^(e)	39.234.045.500	39.995.586.217
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ^(f)	16.418.924.243	10.380.744.537
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	-	16.418.924.243
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ^(g)	64.298.953.396	95.571.091.475
+ Ngân hàng Thương mại Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Huế ^(h)	11.457.465.389	11.879.996.992
+ Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	69.602.633.557	69.602.633.557
- Vay đối tượng khác	6.613.766.569	33.678.063.000
+ Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long	-	6.532.945.426
+ Vay cá nhân	6.613.766.569	27.145.117.574
Cộng	505.037.102.883	524.526.443.162

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm;
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm;
- (c) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tam Trinh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 27 máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01HĐTC/TT-C3 ký ngày 06/5/2013 giữa Ngân hàng Nông và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Trinh với Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long và khu đất tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, lãi suất 11%/năm;
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Đông Anh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 17 máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1541/HĐCC ký ngày 19/02/2002 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh với Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long, lãi suất 11%/năm.

- (e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản sau:

- ✓ Tài sản trên đất tại số 22 ngõ 64 Phố Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội;
- ✓ Tài sản gắn liền với đất tại số 89 ngõ 1141, đường Giải Phóng;
- ✓ Các tài sản hợp pháp khác của bên vay;

Lãi suất 8%/năm;

- (f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long, lãi suất 11%/năm;

- (g) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tín chấp, lãi suất 9,5%/năm;

- (h) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Huế để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất số 14 Phan Chu Trinh, thành phố Huế của Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long, lãi suất 9,5%/năm đến 11%/năm;

- (i) Khoản vay Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long, lãi suất 11%/năm.

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	27/5/2014	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	28.642.583.934	42.866.036.937
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.987.744.387	6.017.561.249
- Thuế thu nhập cá nhân	111.653.422	322.733.087
- Thuế tài nguyên	12.045.400	12.045.400
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	11.083.990.288	7.679.916.126
- Các loại thuế khác	4.617.991.746	4.006.385.879
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.609.097.494	29.380.821
Cộng	54.065.106.671	60.934.059.499

14. Chi phí phải trả

	27/5/2014	01/01/2014
- Lãi vay phải trả	15.056.310.421	21.743.186.251
- Trích trước chi phí các công trình	4.036.072.796	311.241.325
- Trích trước chi phí sửa chữa nâng cấp nhà điều hành	-	1.773.735.000
- Chi phí bảo hành công trình	-	4.036.072.796
- Chi phí phải trả khác	12.916.566.571	8.526.319.743
Cộng	32.008.949.788	36.390.555.115

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	27/5/2014	01/01/2014
- Kinh phí công đoàn	1.832.306.615	1.451.523.317
- Bảo hiểm xã hội	15.271.515.994	16.259.230.540
- Bảo hiểm y tế	543.591.757	124.504.752
- Bảo hiểm thất nghiệp	350.667.238	174.812.250
- Phải trả về cổ phần hóa	332.508.798.179	7.606.789.923
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.839.221.472
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	99.270.740.132	78.346.351.670
Cộng	449.777.619.915	105.802.433.924

16. Vay và nợ dài hạn

	27/5/2014	01/01/2014
Vay dài hạn	20.323.796.193	22.591.514.466
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>14.967.294.711</i>	<i>17.235.012.984</i>
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(*)	14.498.378.516	15.938.919.649
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	468.916.195	1.296.093.335
<i>Vay đối tượng khác</i>	<i>5.356.501.482</i>	<i>5.356.501.482</i>
Nợ dài hạn	-	4.598.458.867
Cộng	20.323.796.193	27.189.973.333

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu khác	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	162.463.103.666	324.672.155	24.522.019.310	4.972.061.268	3.470.774.227	1.471.451.426	1.189.989.027	15.338.441.140	213.752.512.219
Tăng vốn trong năm trước:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	10.990.843.079	10.990.843.079
Vốn tăng theo theo số liệu tạm bàn giao sang công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Cầu 1 Thăng Long	15.358.817.629	-	-	-	-	-	-	-	15.358.817.629
Tăng vốn góp do Công ty Tư Vấn Xây dựng Thăng Long chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên	410.341.939	-	-	(157.739.441)	(91.737.162)	-	-	(181.223.166)	(20.357.830)
Tăng khác	2.589.909.777	-	31.419.834.199	-	-	746.681.368	-	-	34.756.425.344
Phân phối lợi nhuận	7.731.311.946	-	-	4.484.691.980	1.911.278.495	-	-	(24.591.563.710)	(10.464.281.289)
Giảm khác	-	-	(24.522.019.310)	(327.178.040)	(203.146.591)	(1.471.451.426)	(1.189.989.027)	(8.102.706.680)	(35.816.491.074)
Số dư cuối ngày 31/12/2013	188.553.484.957	324.672.155	31.419.834.199	8.971.835.767	5.087.168.969	746.681.368	-	(6.546.209.336)	228.557.468.079
Số dư đầu ngày 01/01/2014	188.553.484.957	324.672.155	31.419.834.199	8.971.835.767	5.087.168.969	746.681.368	-	(6.546.209.336)	228.557.468.079
Tăng vốn trong kỳ	5.578.329.212	-	-	-	-	-	-	-	5.578.329.212
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	3.586.292.130	3.586.292.130
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	-	45.093.510	-	-	(507.279.449)	(462.185.939)
Giảm khác	(5.748.831.726)	-	(563.324.349)	(545.975.397)	(256.139.499)	-	-	(2.381.865.522)	(9.496.136.493)
Số dư tại ngày 27/5/2014	188.382.982.443	324.672.155	30.856.509.850	8.425.860.370	4.876.122.980	746.681.368	-	(5.849.062.177)	227.763.766.989

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	27/5/2014	01/01/2014
- Vốn góp của Nhà nước	188.382.982.443	188.553.484.957
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	188.382.982.443	188.553.484.957

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	188.553.484.957
+ Vốn góp đầu năm	5.578.329.212
+ Vốn góp tăng trong kỳ	5.748.831.726
+ Vốn góp giảm trong kỳ	188.382.982.443
+ Vốn góp cuối kỳ	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	27/5/2014	01/01/2014
- Quỹ đầu tư phát triển	8.425.860.370	8.971.835.767
- Quỹ dự phòng tài chính	4.876.122.980	5.087.168.969
- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	746.681.368	746.681.368
Cộng	14.048.664.718	14.805.686.104

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.976.542.102
- Doanh thu hoạt động xây dựng	795.600.575.977
Cộng	799.577.118.079

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.949.373.972
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	737.839.605.132
Cộng	739.788.979.104

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.793.081.888
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.058.556.324
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.981.078.268
Cộng	34.832.716.480

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
- Lãi tiền vay	34.127.573.803
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.262.830
- Chi phí khác	379.972.562
Cộng	34.524.809.195

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.329.327.195
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.329.327.195

06. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.015.857.866
- Chi phí nhân công	81.572.117.947
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.555.584.266
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.375.410.599
- Chi phí khác bằng tiền	583.572.819.571
Cộng	970.091.790.249

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long
 Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long
 Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh
 Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long
 Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long
 Công ty Cổ Phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long
 Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Đầu tư dài hạn khác
 Đầu tư dài hạn khác
 Đầu tư dài hạn khác

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2014
đến 27/5/2014

Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	4.417.533.918
Cho vay	112.490.673
Tạm ứng phục vụ thi công	28.047.528.535
Bù trừ công nợ	5.072.383.535
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	2.687.000.867
Trừ nợ vay	4.646.466.000
Nhận nợ	
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	648.849.939
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	1.663.660.925
Nhận nợ	1.644.455.932
Bù trừ công nợ	
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thăng Long	431.658.000
Tạm ứng thi công công trình	60.108.703
Lãi vay phải thu	430.269.160
Bù trừ công nợ	150.000.000
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	430.269.160
Trừ nợ vay	484.040.000
Nhận nợ	
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	37.246.028.712
Tạm ứng công trình	9.485.802.562
Giảm trừ nợ vay	43.477.949.901
Cho vay	5.549.897.904
Bán vật tư	
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	672.000.000
Phạt chậm tiến độ	474.356.697
Lãi vay phải thu	107.988.369.696
Giảm trừ nợ vay	97.803.286.680
Bù trừ công nợ	699.280.545
Trừ nợ cổ tức	34.260.335.320
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	768.872.132
Cung cấp dịch vụ	21.995.296.540
Nhận nợ	
Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng điện Thăng Long	654.000.000
Tạm ứng công trình	1.055.309.146
Bù trừ công nợ	422.136.812
Nhận nợ	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	20.318.306.000
Cho vay	3.353.753.000
Phải thu về khối lượng xây dựng hoàn thành	1.075.825.000
Lãi vay phải thu	52.603.954.620
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	19.663.944.145
Trừ tạm ứng	

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***Từ 01/01/2014****đến 27/5/2014**

Nhận nợ	45.048.951.540
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	
Cho vay	18.133.820.000
Lãi vay phải thu	546.471.057
Bù trừ công nợ	64.176.855.694
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	1.000.000.000
Nhận nợ	32.573.459.402
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	
Cho vay	12.588.896.812
Bù trừ công nợ	627.135.633
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	4.967.803.781
Nhận nợ	3.612.442.060
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	
Lãi vay phải thu	142.643.836
Bù trừ công nợ	18.666.801.927
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	56.613.460.984
Nhận nợ	85.054.938.017
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	
Cho vay	345.000.000
Bù trừ công nợ	2.525.395.480
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	2.260.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	
Tạm ứng công trình	6.413.650.625
Cho vay	8.843.147.893
Bù trừ công nợ	30.749.662.230
Trừ nợ cổ tức	500.000.000
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	1.159.746.598
Nhận nợ	17.338.017.035
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	
Cho vay	46.000.000
Lãi vay phải thu	308.957.115
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	
Bù trừ công nợ	76.793.962
Nhận nợ	12.553.240
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải Thăng Long	
Cho vay	9.936.526.000
Nhận nợ	8.453.147.618
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	
Trả tiền hoàn thuế GTGT	2.000.000.000
Cho vay	4.500.000.000
Lãi vay phải thu	495.947.895
Bù trừ công nợ	8.220.950.402
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	1.500.000.000
Nhận nợ	8.395.503.866
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	
Thu lãi vay	4.714.421.351
Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	
Thu tiền thuê dụng cụ sản xuất	1.271.693.101
Bù trừ công nợ	796.286.700
Công ty Liên doanh Mit sui Thăng Long	
Trả phí	418.413.000
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	
Bù trừ công nợ	1.587.134.160

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***Từ 01/01/2014****đến 27/5/2014**

Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	
Thanh toán công nợ	8.286.315.091
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	5.000.000.000
Bù trừ công nợ	1.587.131.160
Nhận nợ	1.174.127.237
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	6.389.420.868
Nhận nợ	3.499.945.462

Tại ngày 27 tháng 5 năm 2014, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	27/5/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	23.758.488.605	21.844.565.421
+ Phải thu khác	1.869.651.270	1.869.651.270
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Xây dựng Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	10.468.216.663	10.406.719.120
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	43.222.272.969	295.000.000
+ Phải thu khác	4.955.604.000	4.955.604.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	7.857.474.283	7.514.472.358
+ Phải thu khác	1.117.682.500	1.617.682.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	51.561.846.194	66.062.925.098
+ Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	24.235.876.572	11.926.659.122
+ Phải thu khác	504.173.280	504.173.280
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	58.826.961.366	48.657.345.709
+ Phải thu khác	227.753.772	227.753.772
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	37.433.626.442	38.351.324.182
+ Phải thu khác	151.029.900	151.029.900
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	61.910.170.296	72.239.057.897
+ Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	14.295.411.381	24.488.626.530
+ Phải thu khác	1.338.230.000	1.338.230.000
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long		
+ Phải thu khác	772.269.000	772.269.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	47.296.906.408	46.941.949.293
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	12.198.038.512	12.236.435.493
+ Phải thu khác	784.812.465	784.812.465

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	12.859.534.936	10.321.954.296
+ Phải thu khác	290.847.145	290.847.145
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	1.587.134.160	1.587.134.160
Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	-	418.473.000
Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	661.118.751	226.712.350
Cộng nợ phải thu	642.234.675.215	543.290.843.606

	27/5/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	4.133.740.904	1.020.823.102
+ Phải trả khác	165.000.000	165.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	494.334.968	398.105.808
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	9.631.056.042	6.846.027.377
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	2.979.068.782	2.675.629.190
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	8.792.859.631	9.307.828.076
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	4.524.053.703	6.226.871.693
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	16.425.957.420	29.046.636.302
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	18.510.835.223	22.033.532.963
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	41.777.858.865	28.921.490.933
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	36.990.677.607	16.880.143.516
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	1.111.098.792	1.216.616.553
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	5.026.501.462	5.026.501.462
+ Phải trả khác	1.004.314.900	1.004.314.900
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	8.175.997.133	8.201.840.874
+ Phải trả khác	165.000.000	165.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long		
+ Phải trả người bán	1.478.413.047	325.711.099
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	1.174.127.237	14.873.446.251
Cộng	220.869.952.484	201.313.109.824

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	27/5/2014		01/01/2014		27/5/2014	01/01/2014
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	459.146.938.560	-	158.620.966.766		459.146.938.560	158.620.966.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	323.205.381.514	(253.976.856)	467.086.796.425	(253.976.856)	322.951.404.658	466.832.819.569
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	12.716.298.589	-	12.416.298.589	-	12.716.298.589	12.416.298.589
Cộng	795.068.618.663	(253.976.856)	638.124.061.780	(253.976.856)	794.814.641.807	637.870.084.924

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	27/5/2014	01/01/2014	27/5/2014	01/01/2014
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	499.926.119.799	494.621.249.301	499.926.119.799	494.621.249.301
Vay và nợ	525.360.899.076	551.716.416.495	525.360.899.076	551.716.416.495
Chi phí phải trả	32.008.949.788	36.390.555.115	32.008.949.788	36.390.555.115
Các khoản phải trả khác	104.715.821.014	83.962.699.185	104.715.821.014	83.962.699.185
Cộng	1.162.011.789.677	1.166.690.920.096	1.162.011.789.677	1.166.690.920.096

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
27/5/2014				
Phải trả cho người bán	490.892.431.974	9.033.687.825	-	499.926.119.799
Vay và nợ	505.037.102.883	20.323.796.193	-	525.360.899.076
Chi phí phải trả	32.008.949.788	-	-	32.008.949.788
Các khoản phải trả khác	99.270.740.132	5.445.080.882	-	104.715.821.014
Cộng	1.127.209.224.777	34.802.564.900	-	1.162.011.789.677
01/01/2014				
Phải trả cho người bán	479.964.296.209	14.656.953.092	-	494.621.249.301
Vay và nợ	524.526.443.162	27.189.973.333	-	551.716.416.495
Chi phí phải trả	36.390.555.115	-	-	36.390.555.115
Các khoản phải trả khác	78.346.351.670	5.616.347.515	-	83.962.699.185
Cộng	1.119.227.646.156	47.463.273.940	-	1.166.690.920.096

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần (Tổng Công ty Thăng Long – CTCP), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 27 tháng 5 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

08. Thông tin so sánh

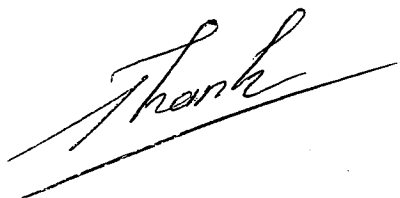
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 27 tháng 5 năm 2014.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Văn An

Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Phương